

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thùy Linh**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG**

**Sinh viên : Nguyễn Thùy Linh**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thùy Linh

Mã SV: 1212401150

Lớp: QT1603K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị**

# PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

## 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

+ Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.

+ Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.

+ Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

## 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thùy Linh* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

**Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:** Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định hiện hành.

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường:** Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể ( 6 tháng năm 2015). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

**Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường.** Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số biện pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

## 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: ..... Bảng chữ: .....

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2016

**Cán bộ hướng dẫn**

*Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng*

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Ý nghĩa</b>
<b>BĐSĐT</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>
<b>CP</b>	<b>Chi phí</b>
<b>CPBH</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>
<b>CPQL</b>	<b>Chi phí quản lý</b>
<b>GTGT</b>	<b>Giá trị gia tăng</b>
<b>TNDN</b>	<b>Thu nhập doanh nghiệp</b>
<b>TTĐB</b>	<b>Tiêu thụ đặc biệt</b>
<b>K/C</b>	<b>Kết chuyển</b>
<b>TNHH</b>	<b>Trách nhiệm hữu hạn</b>
<b>SP, HH</b>	<b>Sản phẩm, hàng hóa.</b>
<b>TSCĐ</b>	<b>Tài sản cố định</b>
<b>BHXH</b>	<b>Bảo hiểm xã hội</b>
<b>BHYT</b>	<b>Bảo hiểm y tế</b>
<b>BHTN</b>	<b>Bảo hiểm thất nghiệp</b>
<b>KPCĐ</b>	<b>Kinh phí công đoàn</b>
<b>HĐ SXKD</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh</b>
<b>CKTM</b>	<b>Chiết khấu thương mại</b>
<b>NSNN</b>	<b>Ngân sách nhà nước</b>

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</b> .....	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:.....	2
1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	2
1.1.1.1. Doanh thu .....	2
1.1.1.2. Chi phí .....	4
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	7
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng .....	8
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán .....	10
1.2.2. Kế toán chi phí hoạt động kinh doanh .....	12
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng .....	12
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng .....	12
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán .....	13
1.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính.....	15
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng .....	15
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	15
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán .....	15
1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	17
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	17
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	17
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	17



1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	19
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	19
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	19
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	19
<b>1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....</b>	<b>21</b>
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	21
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	22
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	24
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG.....</b>	<b>25</b>
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Sơn Cường.....	25
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	25
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	25
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....	25
2.1.4. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây(2013-2015).....	26
2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	27
2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	28
2.1.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	28
2.1.6.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	29
<i>Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng.....</i>	<i>30</i>
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.....	30
2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	30
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Sơn Cường.....	41
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	49
2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính.....	54
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường..	57

<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG</b> .....	62
3.1.1. <i>Ưu điểm.</i> .....	62
3.1.2. <i>Nhược điểm:</i> .....	63
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường .....	64
3.2.2. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng .....	65
<b>KẾT LUẬN</b> .....	72
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	73

## LỜI MỞ ĐẦU

Hòa chung xu thế phát triển về mọi mặt, nền kinh tế nước ta đang không ngừng vươn lên để khẳng định vị trí của mình. Một công cụ không thể thiếu được để quyết định sự phát triển đó là công tác hạch toán kế toán.

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kế tài chính không những có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát hoạt động kinh tế mà còn vô cùng quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp. Công tác hạch toán kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng như một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh trong điều kiện kinh tế như hiện nay.

Công ty TNHH Sơn Cường là công ty trách nhiệm hữu hạn chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và san lấp mặt bằng.

Do đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng đối với công ty. Nhận thức được tầm quan trọng đó mà trong thời gian thực tập ở công ty em đã quyết định lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường*** ” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

- ❖ **Chương 1:** *Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*
- ❖ **Chương 2:** *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường.*
- ❖ **Chương 3:** *Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường.*

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thùy Linh

**CHƯƠNG 1****LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:****1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:****1.1.1.1. Doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

**Các loại doanh thu****❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

**❖ Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:**

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.*

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:* là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- ❖ Doanh thu thuần: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu
- ❖ Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:
  - *Chiết khấu thương mại:* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
  - *Giảm giá hàng bán:* là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
  - *Hàng bán bị trả lại:* là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
  - *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):* thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
  - *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ Thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

### **1.1.1.2. Chi phí**

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

### Các loại chi phí

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 “hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền:* giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):* áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):* áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh:* được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

**Chi phí quản lý kinh doanh:** là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành....

**Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ bán chứng khoán ...

**Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ ( nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác....

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

### 1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{rcccl}
 \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} \\
 \text{thuần từ} & & \text{bán hàng} & & \text{giảm trừ} & & \text{hàng} & & \text{quản lý} \\
 \text{hoạt động} & = & \text{và cung} & - & \text{doanh thu} & - & \text{bán} & - & \text{kinh} \\
 \text{sản xuất} & & \text{cấp dịch vụ} & & & & & & \text{doanh} \\
 \text{kinh} & & & & & & & & \\
 \text{doanh} & & & & & & & & 
 \end{array}$$



+ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

+ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

### 1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

- Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế

GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc.

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

## 1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

### 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

#### 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

**Tài khoản 511**- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ.</li> <li>- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.		

**Tài khoản 521** – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Nợ	TK 521	Có
<p>- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.</p> <p>- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.</p> <p>- Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ</p>		<p>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511.</p>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

**Tài khoản 333** - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

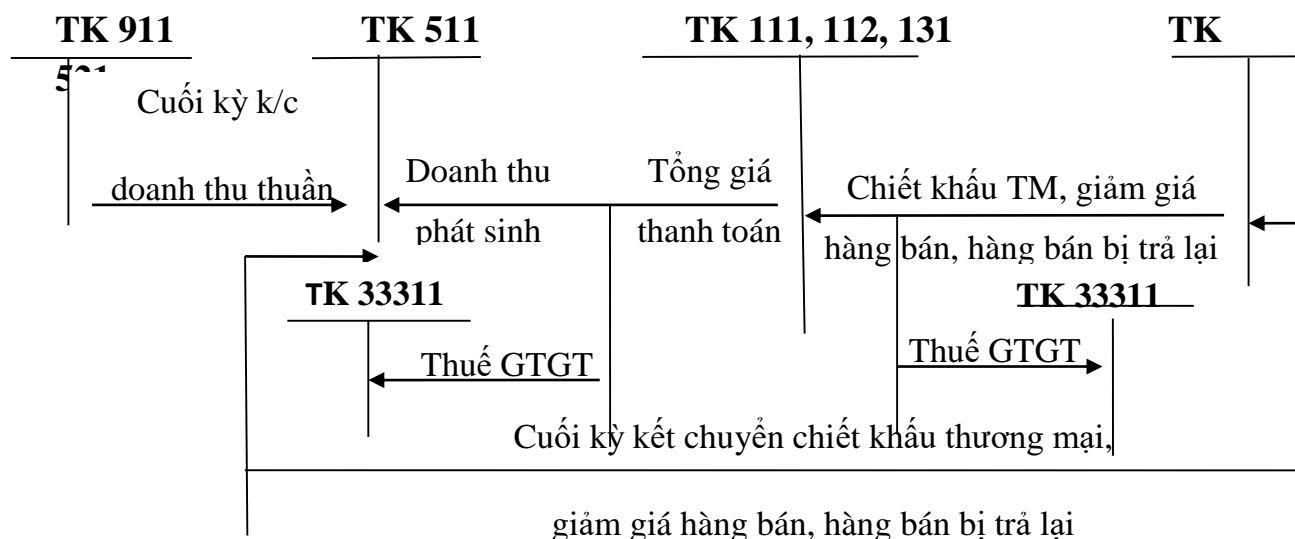
- + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

Nợ	TK 333	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ.</li> <li>- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước.</li> <li>- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.</li> <li>- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.</li> <li>- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

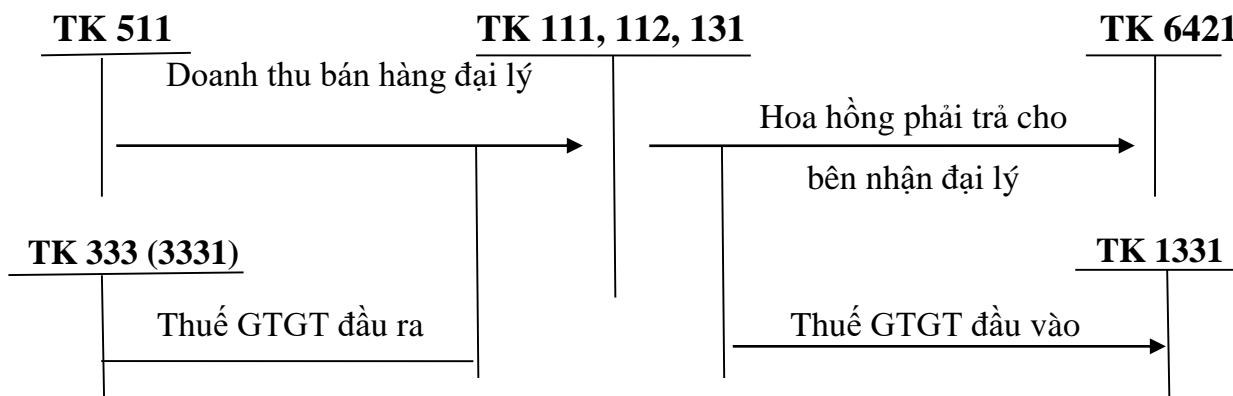
- Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- TK này có thể có số dư bên Nợ: phản ánh khoản thuế và các khoản nộp thừa vào ngân sách Nhà nước

**1.2.1.3. Phương pháp hạch toán**

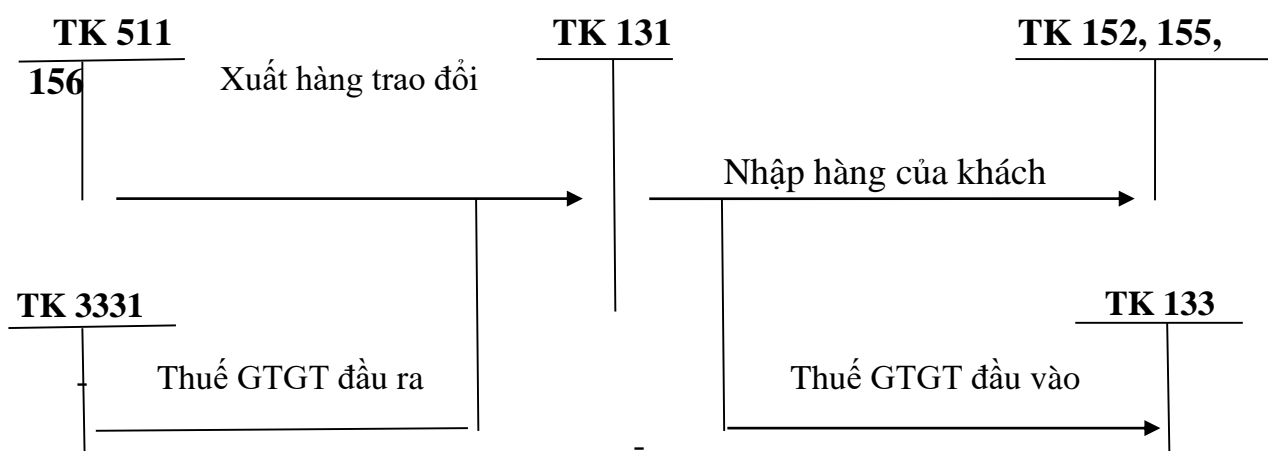
**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp**



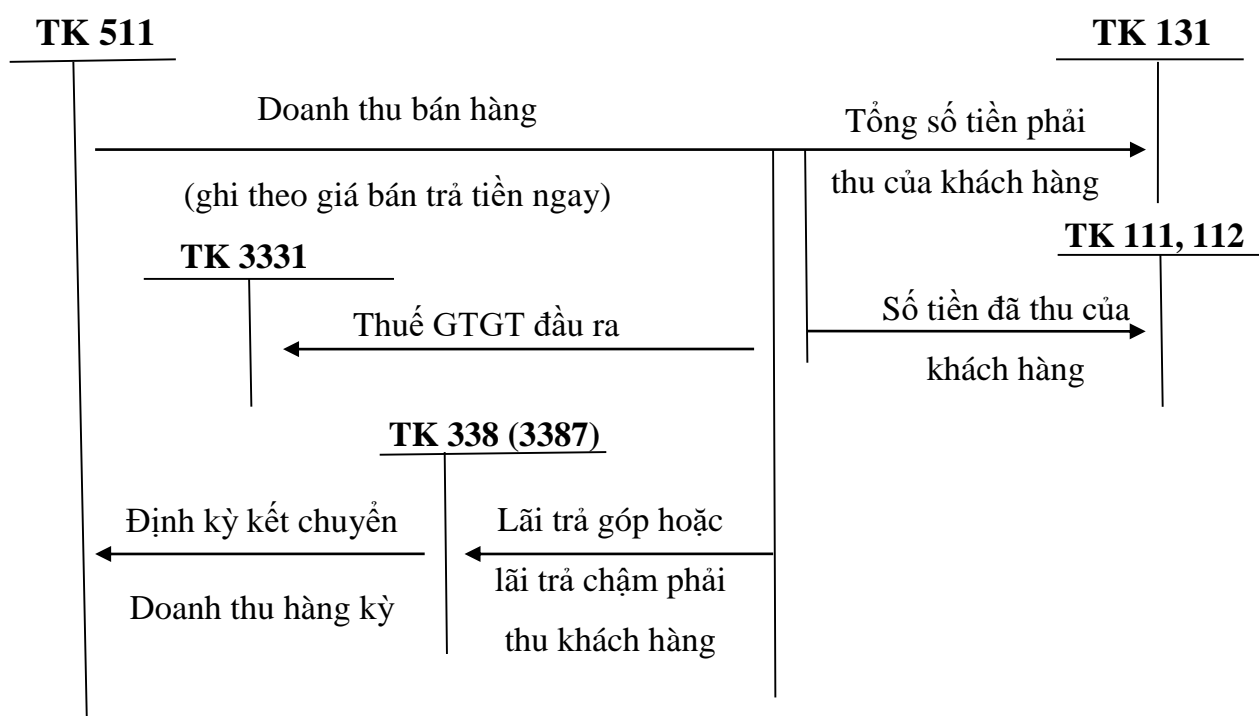
**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý**



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng**



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp**



**1.2.2. Kế toán chi phí hoạt động kinh doanh**

**1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho...
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

**1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> <li>- Kết chuyển trị giá hàng tồn đầu kỳ(KKĐK)</li> <li>.....</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911.</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</li> <li>- Kết chuyển trị giá hàng tồn cuối kỳ(KKĐK)</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

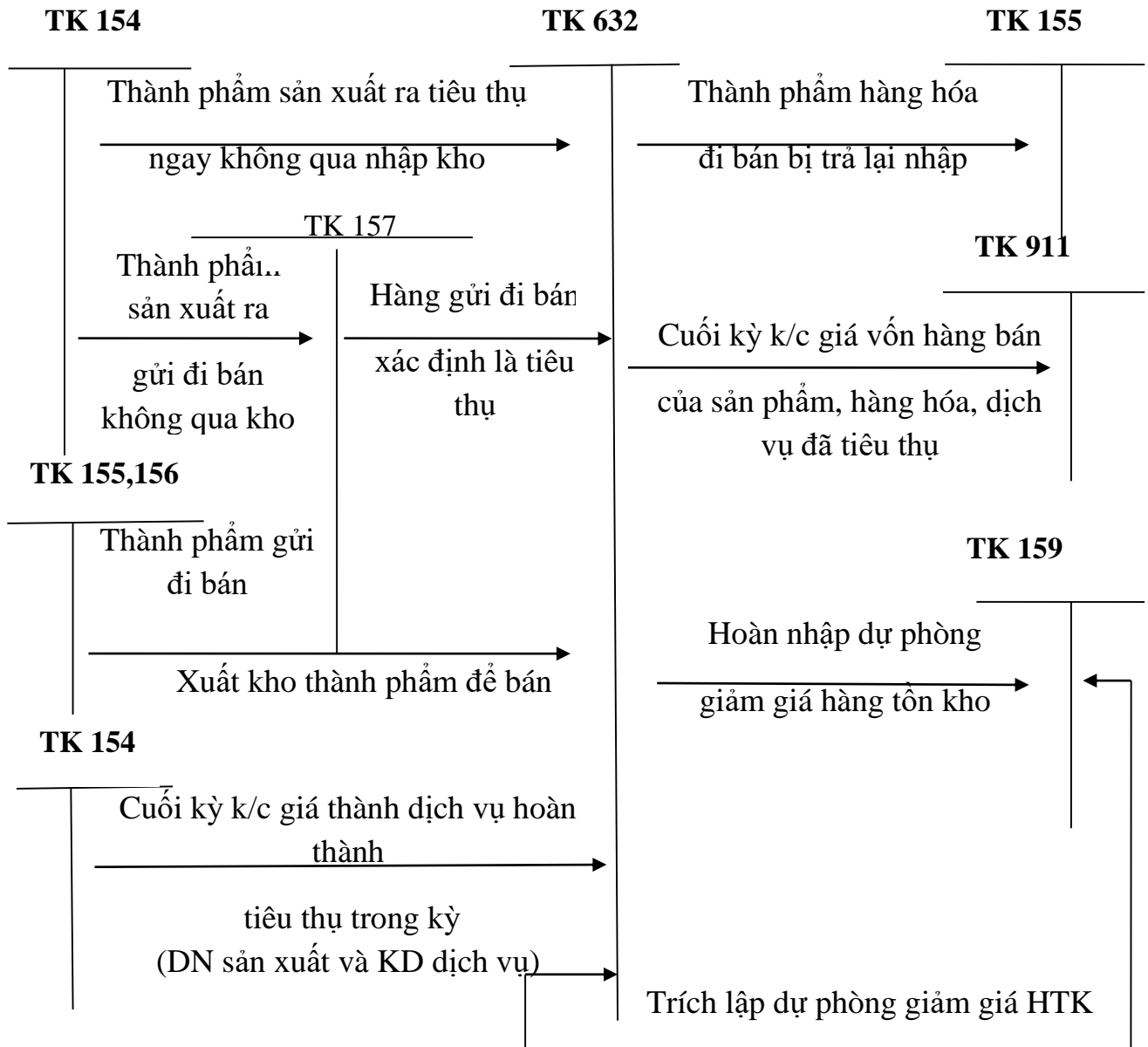
- **Tài khoản 642** – Chi phí quản lý kinh doanh
- Tài khoản này có 2 tiểu khoản:
  - + Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
  - + Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.</li> <li>- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.</li> <li>- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

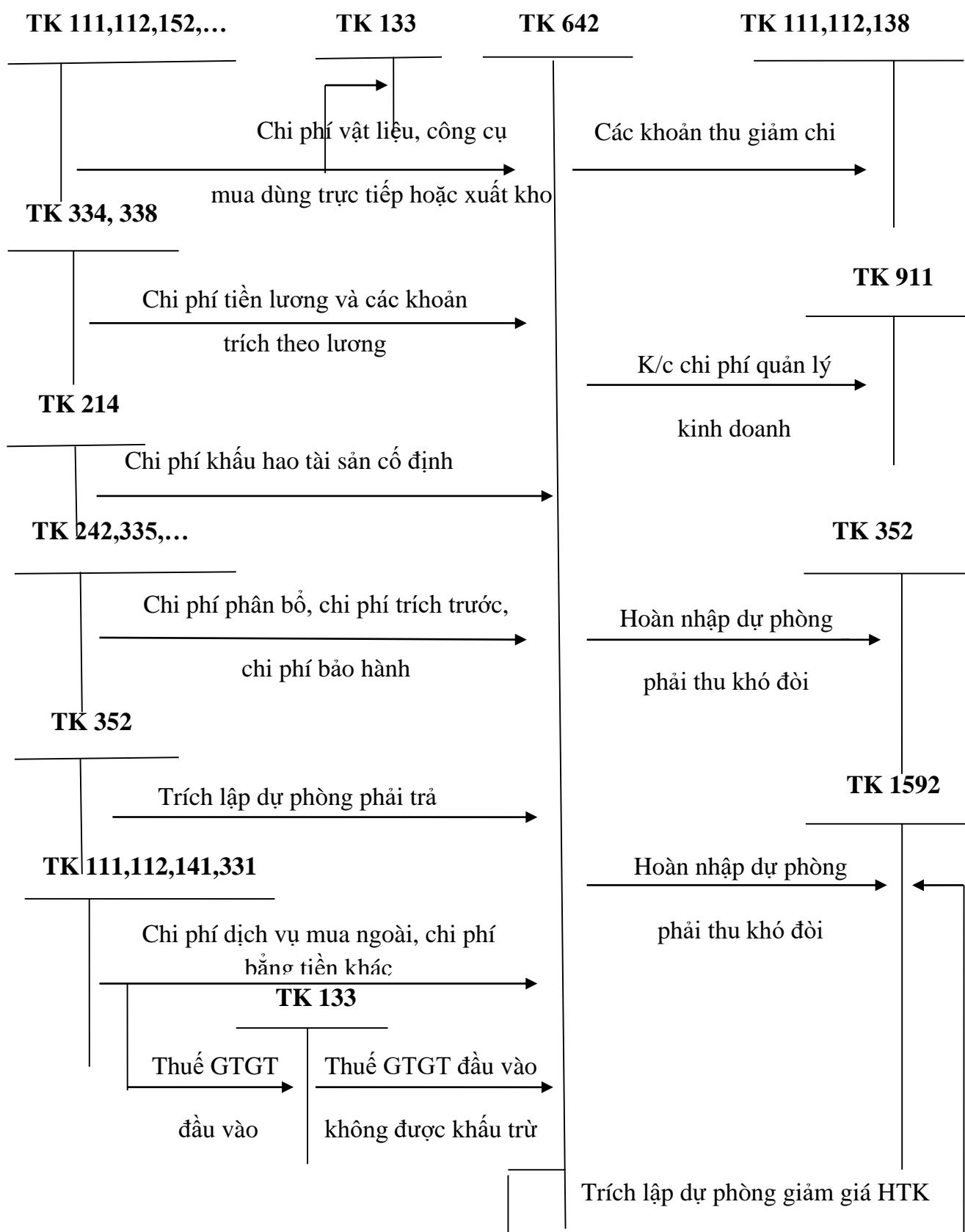
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

**1.2.2.3. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX**



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh





### 1.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

#### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

**Tài khoản 515** – Doanh thu hoạt động tài chính

#### Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia</li> <li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết</li> <li>- Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ ....</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 635** – Chi phí tài chính

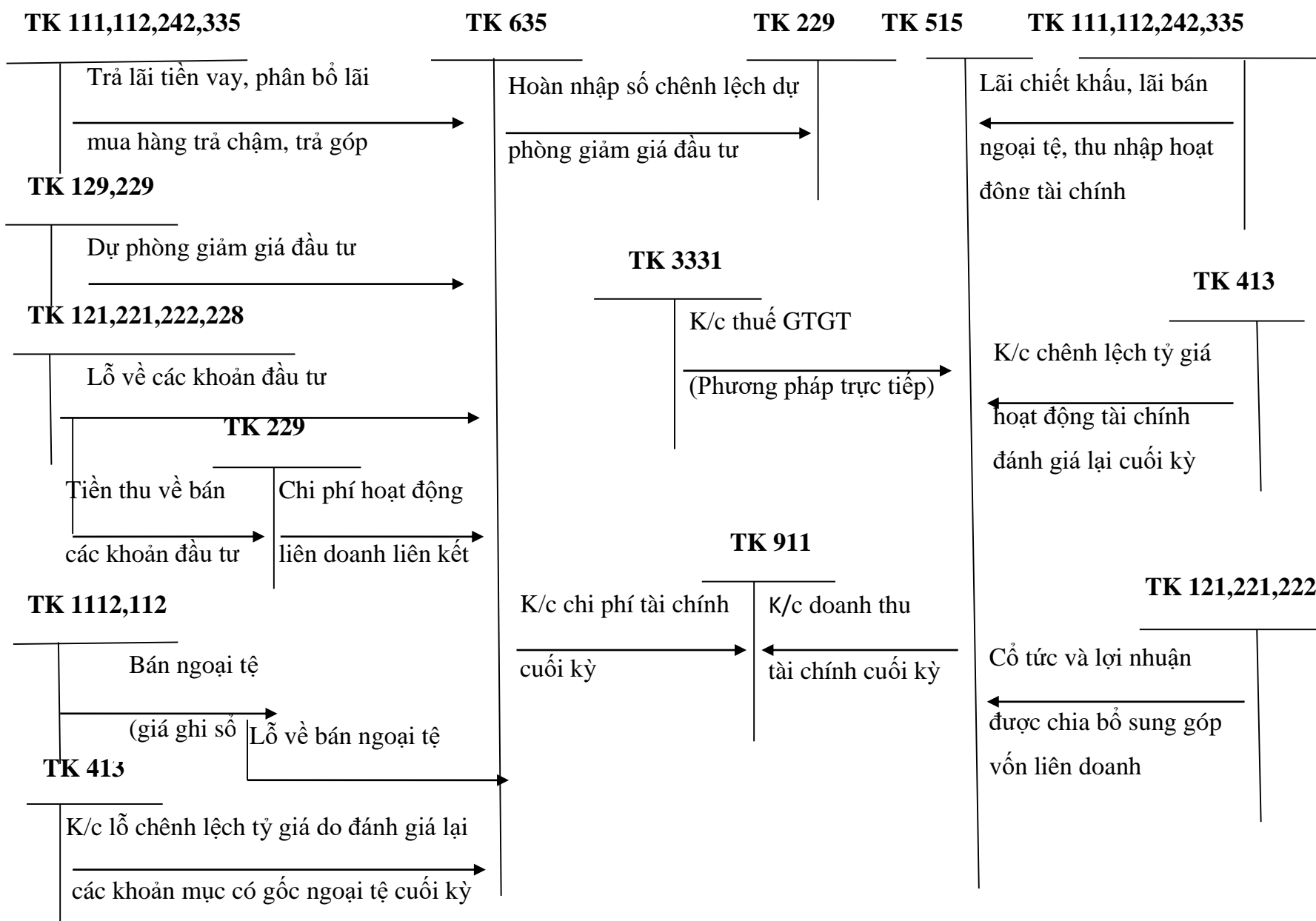
#### Kết cấu tài khoản 635

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính</li> <li>- Các khoản lỗ về đầu tư tài chính</li> <li>- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

#### 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**



### 1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

#### 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

**Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

##### **Kết cấu tài khoản 711**

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 811 - Chi phí khác**

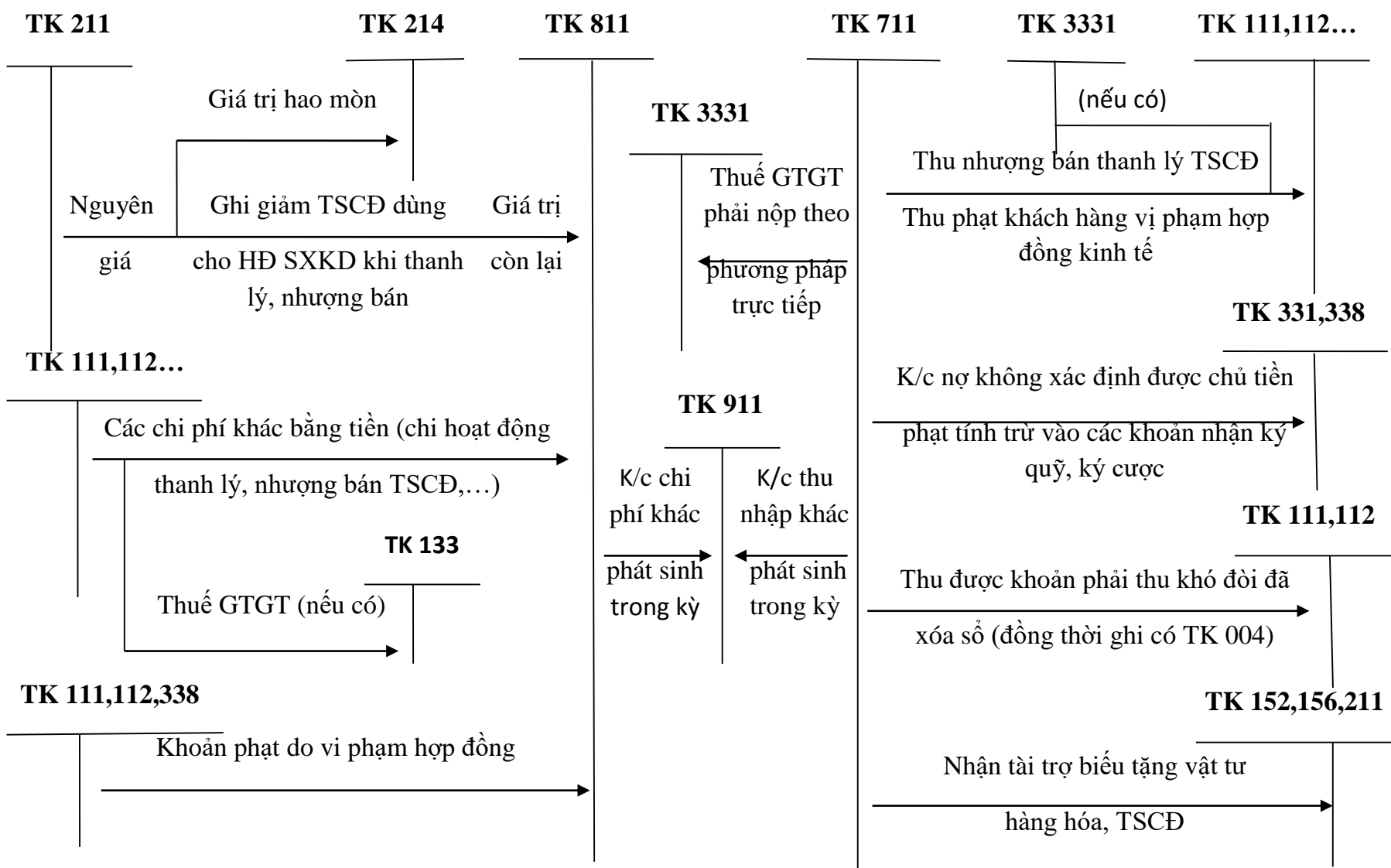
##### **Kết cấu tài khoản 811**

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí khác phát sinh.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

#### 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



**1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu hạch toán

**1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

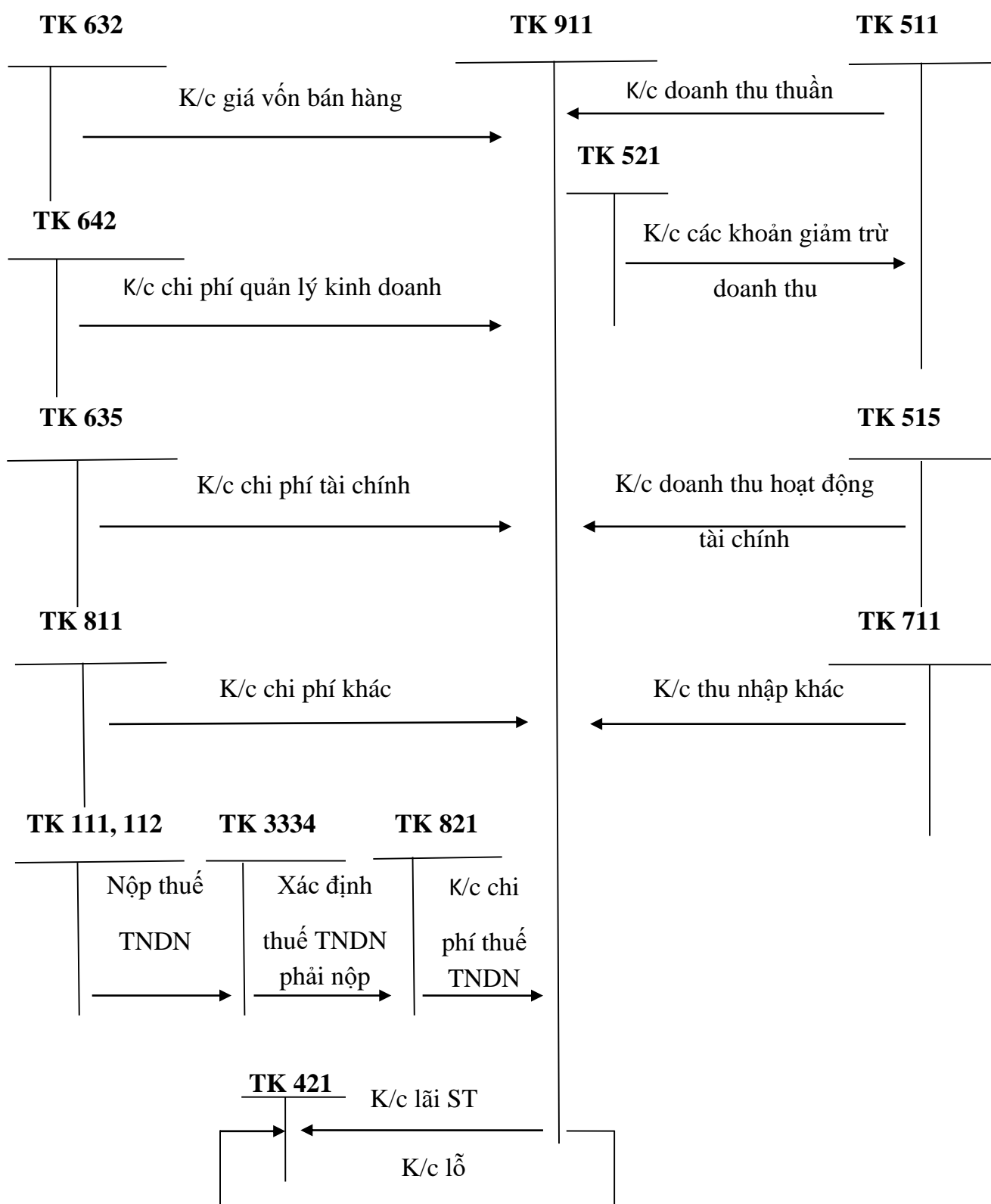
**Kết cấu tài khoản 911**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- K/C trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán</li> <li>- K/C chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.</li> <li>- K/C chi phí quản lý kinh doanh</li> <li>- K/C chi phí thuế TNDN</li> <li>- Kết chuyển lãi sau thuế .</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- K/C doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- K/C doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.</li> <li>- K/C lỗ</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

**1.2.5.3. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**



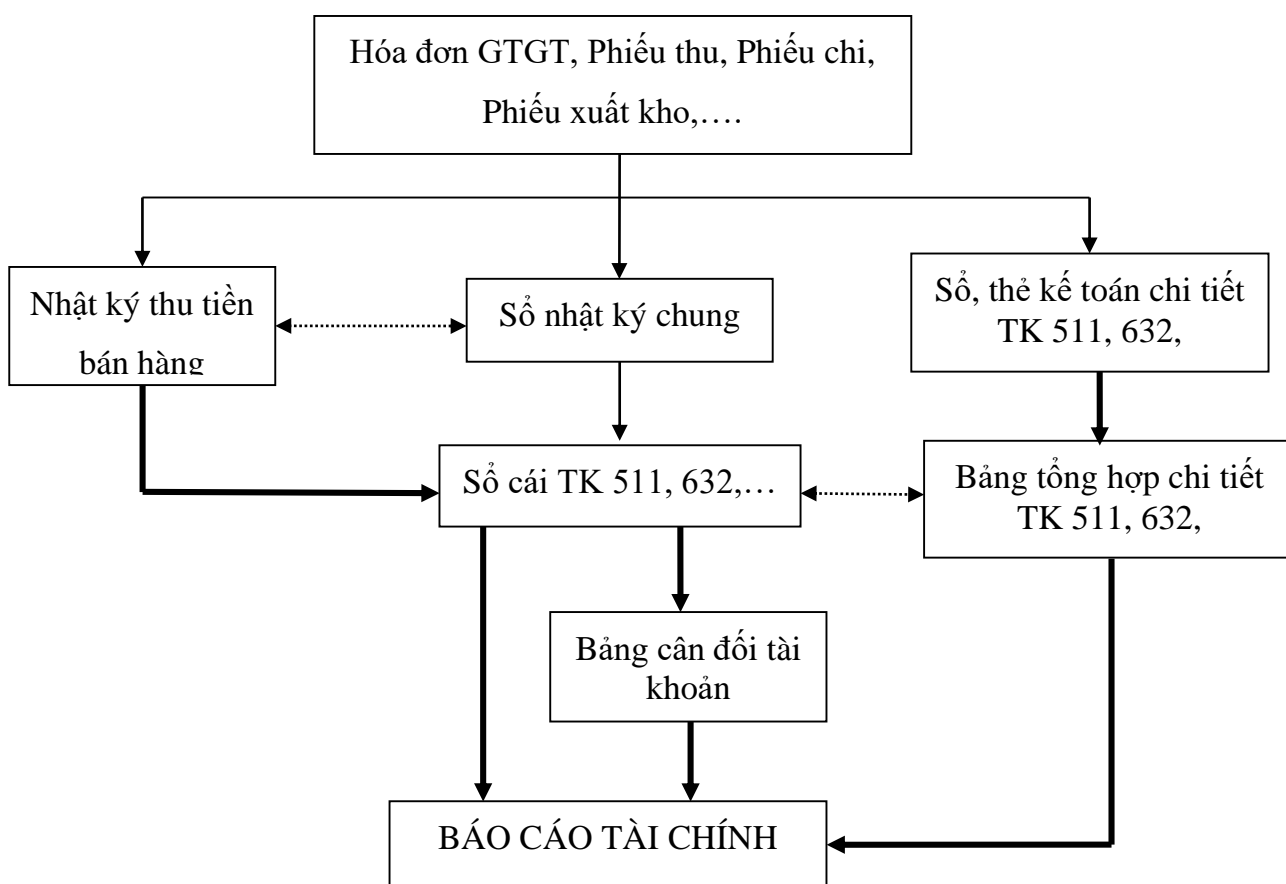
### 1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

#### 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

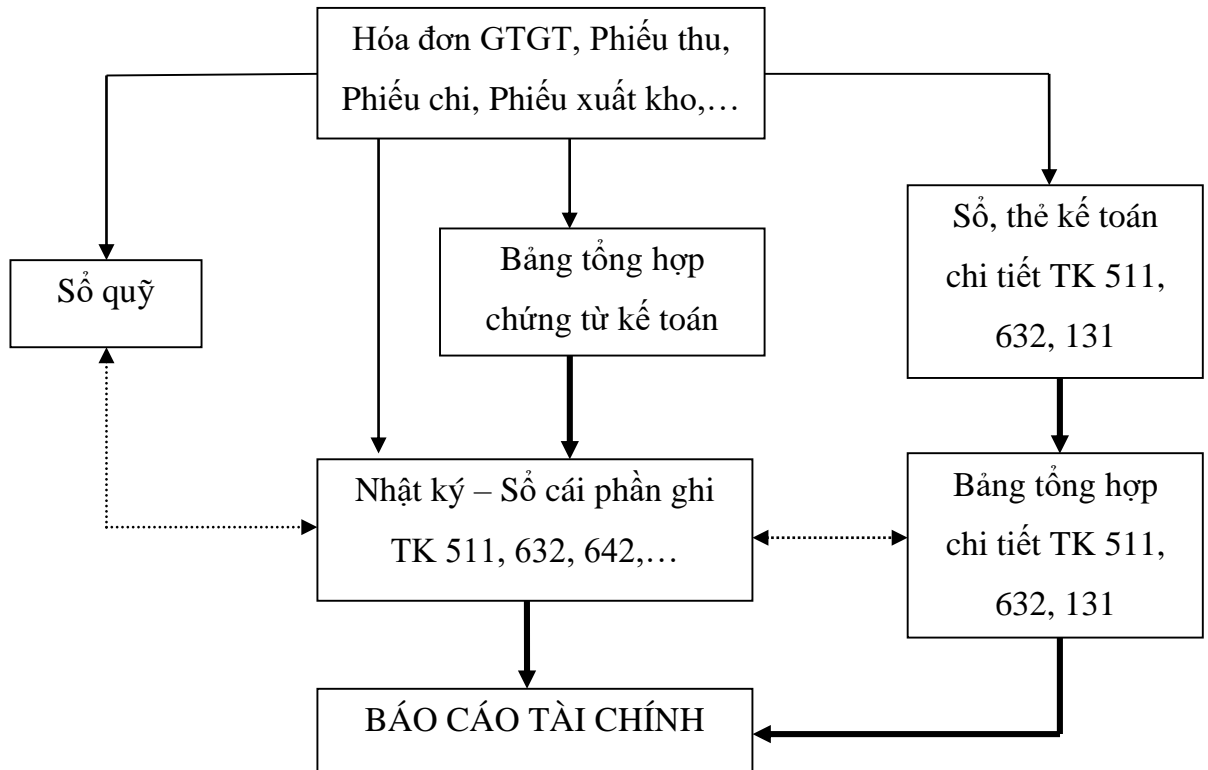
**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$   
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:  $\longrightarrow$   
 Đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

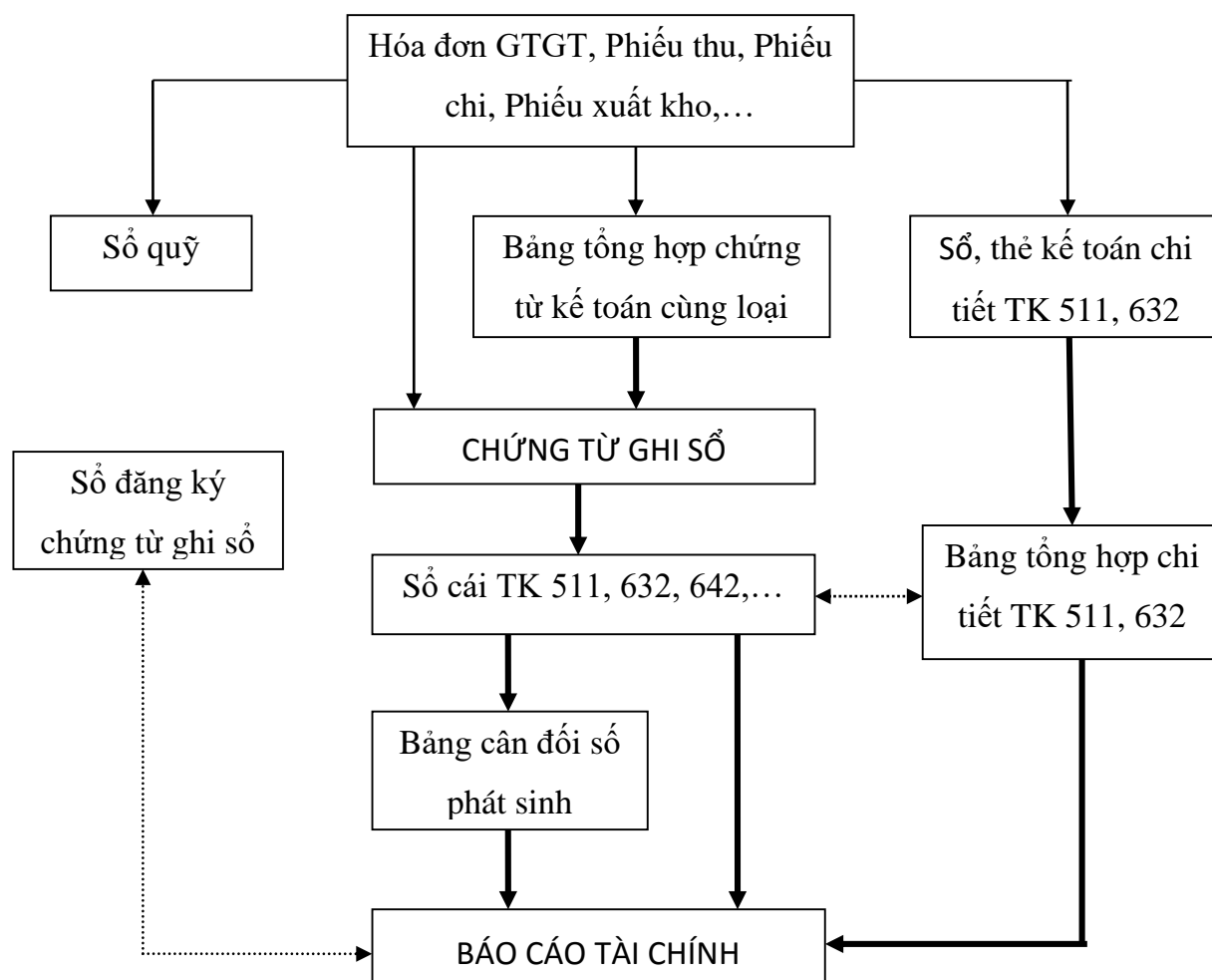
**1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**



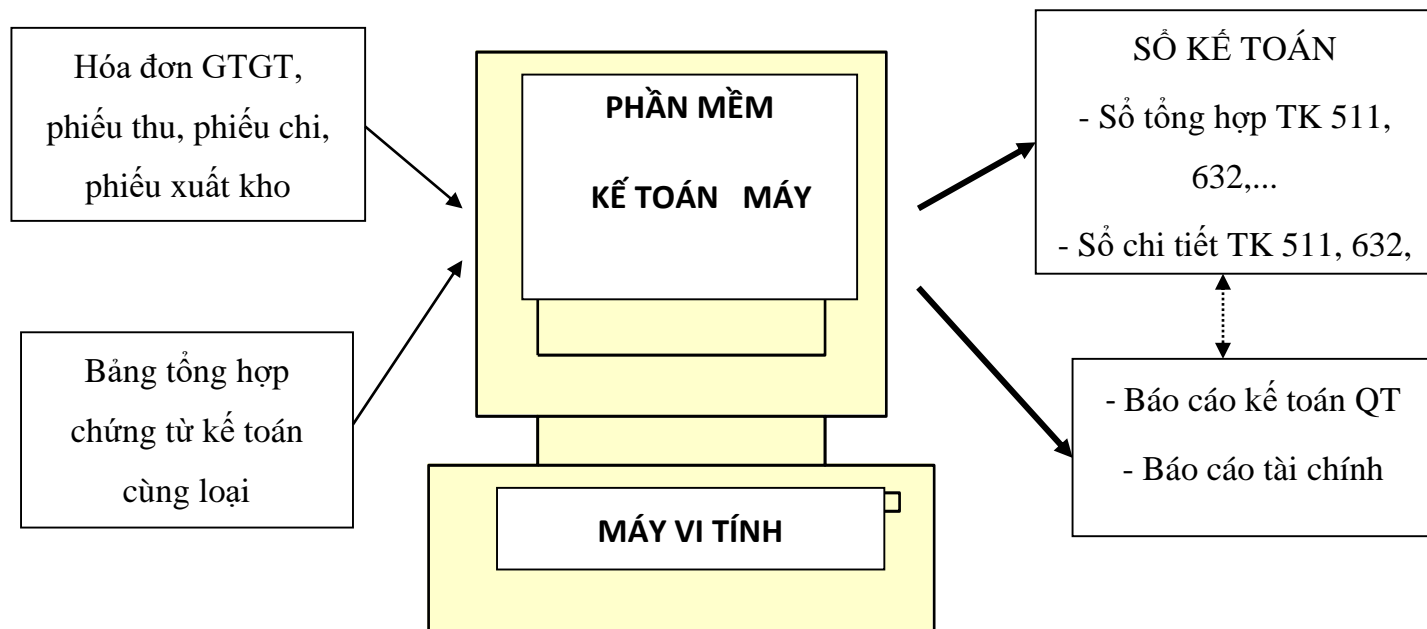


**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**



### 1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**



**Ghi chú:** Nhập số liệu hàng ngày:  $\longrightarrow$   
 In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:  $\longrightarrow$   
 Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG****2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Sơn Cường****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty**

Công ty TNHH Sơn Cường là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập ngày 26 tháng 12 năm 2001 theo giấy phép của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Trụ sở chính : số 1- thị trấn Núi Đồi- huyện Kiến Thụy- thành phố Hải Phòng.
- Tên bằng tiếng Việt: Công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Cường
- Tên bằng tiếng anh: Son Cuong Company limited
- Tên viết tắt: Sơn Cường Co.Ltd.
- Mã số thuế: 0200449917

Công ty được thành lập từ năm 2001 đến nay đã 3 lần thay đổi về cơ cấu tổ chức nhân sự, bổ sung ngành nghề kinh doanh sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội đòi hỏi tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty phải luôn luôn cố gắng, nỗ lực hết mình để hoàn thành mục tiêu của công ty.

**2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty**

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty bao gồm :

- Bán buôn sắt, thép; bán buôn xi măng; bán buôn tre nứa; bán buôn gạch xây, ngói đá,....
- Xây dựng công trình dân dụng, cầu cống, thủy lợi và san lấp mặt bằng, trong đó lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là san lấp mặt bằng.

**2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động**

Trong quá trình hoạt động, công ty có được nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- Thuận lợi:

+ Đội ngũ nhân viên có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.

+ Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty.

+ Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.

- Khó khăn: thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

**2.1.4. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây(2013-2015)**

Trong quá trình hoạt động công ty đã đạt được những kết quả như sau:

- Công ty đã được chi cục thuế huyện Kiến Thụy trao tặng bằng khen.
- Doanh thu, lợi nhuận của công ty tăng đều đặn các năm và thể hiện qua báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua các năm như sau:

**Bảng kết quả đạt được của công ty trong 3 năm qua**

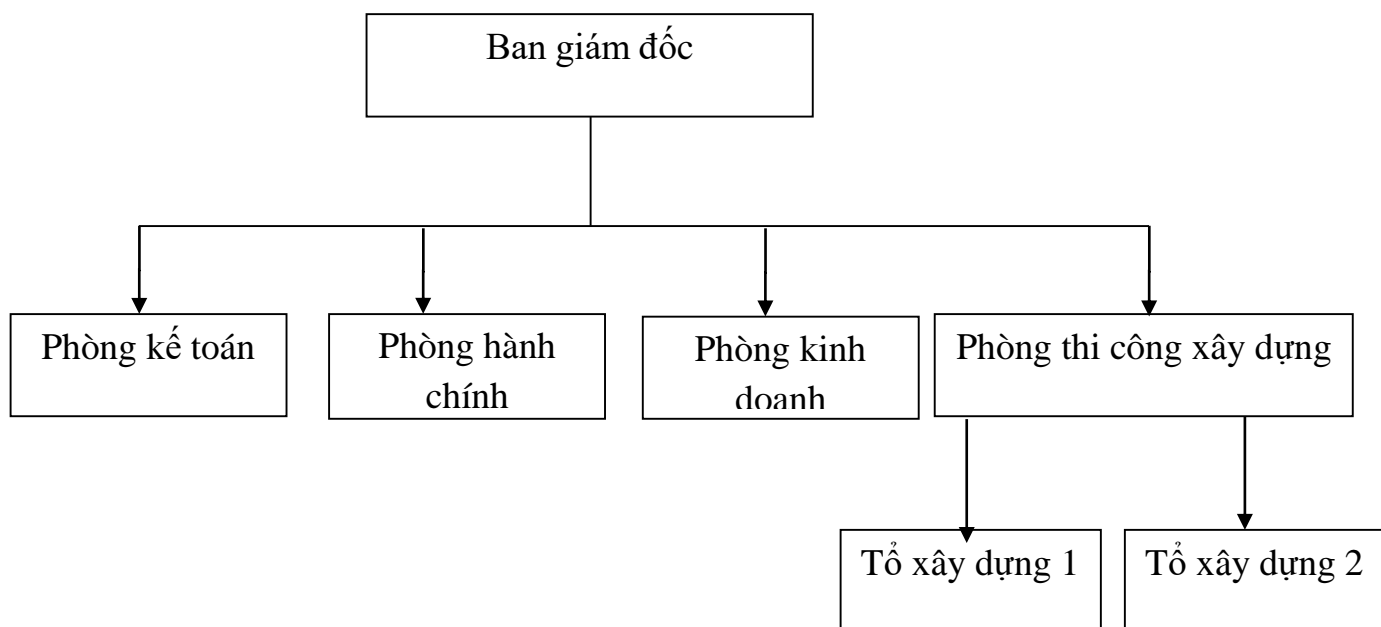
*ĐVT: đồng Việt Nam*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>
Doanh thu BH	8.297.286.437	8.328.380.245	8.605.761.873
Gía vốn hàng bán	7.476.289.130	7.490.745.275	7.691.000.600
Lợi nhuận gộp	820.997.307	837.634.970	914.761.273
Doanh thu tài chính	2.746.269	2.850.473	3.005.364
Chi phí tài chính	89.478.200	90.289.357	
Chi phí QLKD	490.478.245	499.467.245	608.776.187
Lợi nhuận thuần	243.787131	250.728.841	308.990.450
Lợi nhuận trước thuế	243.787131	250.728.841	308.990.450
Chi phí thuế TNDN	48.757.426	50.145.768	61.798.090
Lợi nhuận sau thuế	195.029.705	200.583.073	247.192.360

Qua bảng báo cáo kinh doanh của 3 năm thấy được doanh thu, lợi nhuận của công ty tăng dần qua các năm. Tuy mức tăng không đáng kể nhưng cũng thể hiện được sự phát triển của công ty. Với những khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng hiện nay, công ty vẫn đang ngày càng

khẳng định được vị thế của mình nhờ vào tinh thần trách nhiệm dám nghĩ dám làm của ban lãnh đạo công ty và sự đoàn kết của công nhân viên. Do đó đã giúp công ty giải quyết nhiều vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kinh doanh, đưa công ty đứng vững trên thị trường và ngày càng tiến xa hơn nữa.

**2.1.5 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty**



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Sơn Cường**

Chức năng của từng phòng ban

- Ban giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất, đại diện hợp pháp của công ty trước cơ quan nhà nước và pháp luật; lập ra các định hướng phát triển cho công ty, giám sát và điều hành các hoạt động của công ty.
- Phòng kế toán: thực hiện và giám sát các công việc về tài chính- kế toán trong công ty.
- Phòng kinh doanh: tổ chức, giám sát và thực hiện công việc bán hàng và tiêu thụ sản phẩm của công ty.
- Phòng thi công xây dựng: Nhận kế hoạch sản xuất của Công ty từ Giám đốc, triển khai thực hiện thi công công trình theo đúng thiết kế và đúng tiến độ thi công. Thường xuyên báo cáo Chủ đầu tư và Giám đốc về tiến độ thi công

của nhà thầu. Lập hồ sơ nghiệm thu với nhà thầu, lập báo cáo về công tác giám sát sau mỗi công trình hoàn thành.

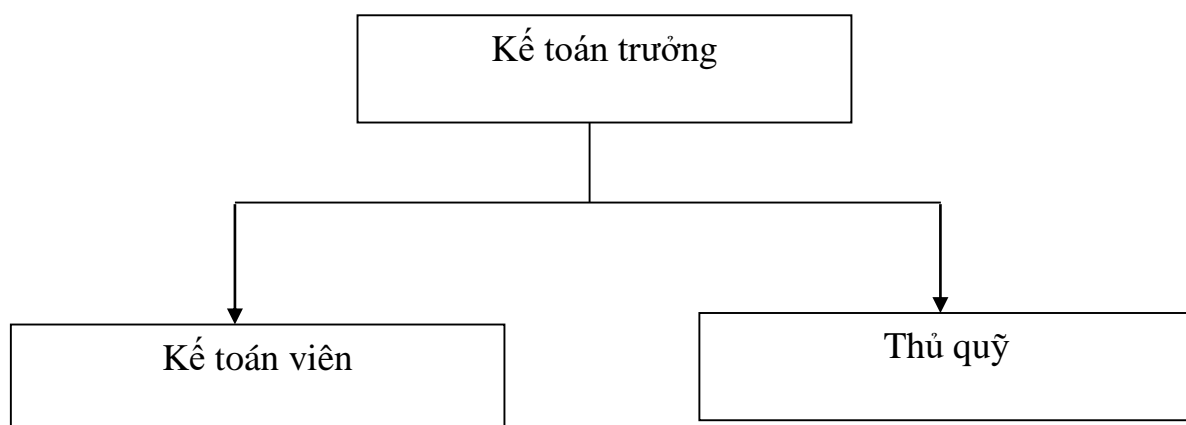
- Các tổ xây dựng: xây dựng công trình.

- Phòng hành chính: Quản lý các thiết bị trang bị cho hoạt động của khối văn phòng, quản lý các hồ sơ, chứng từ, công văn, các loại hợp đồng...liên quan, hỗ trợ phòng kế toán các công việc liên quan, thực hiện tuyển dụng nhân sự cho công ty theo yêu cầu, phối hợp với các phòng ban, cơ quan chức năng của nhà nước để tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo theo yêu cầu và hướng dẫn, thực thi, theo dõi các chính sách, chế độ, nội qui, qui chế của công ty đối người lao động tại công ty.

### 2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

#### 2.1.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung .



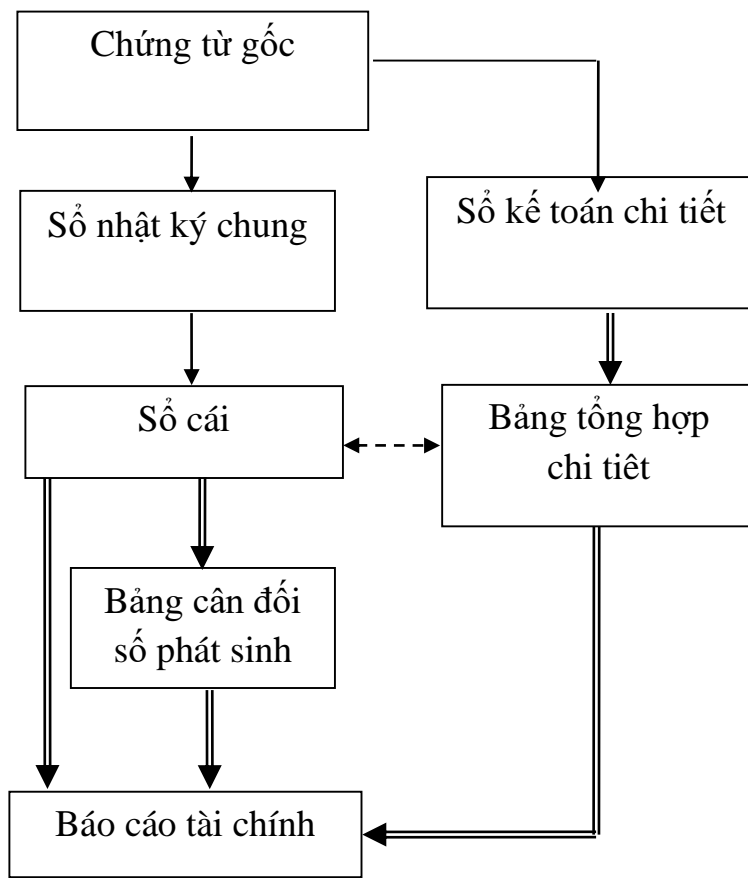
#### Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường

- Kế toán trưởng: đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.
- Kế toán viên: ghi chép, hệ thống hóa, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị.

- Thủ quỹ: chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê, kiểm tra số tồn quỹ, phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

**2.1.6.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

Hiện nay, công ty TNHH Sơn Cường áp dụng hình thức kế toán **Nhật ký chung** để thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế- tài chính phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính của doanh nghiệp



**Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH Sơn Cường**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ———→

Ghi cuối tháng: ==>

Quan hệ đối chiếu: <--->

***Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng***

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.
- Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp nhập bình quân sau mỗi lần nhập.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

**2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường*****2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh******2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*****a. Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng**

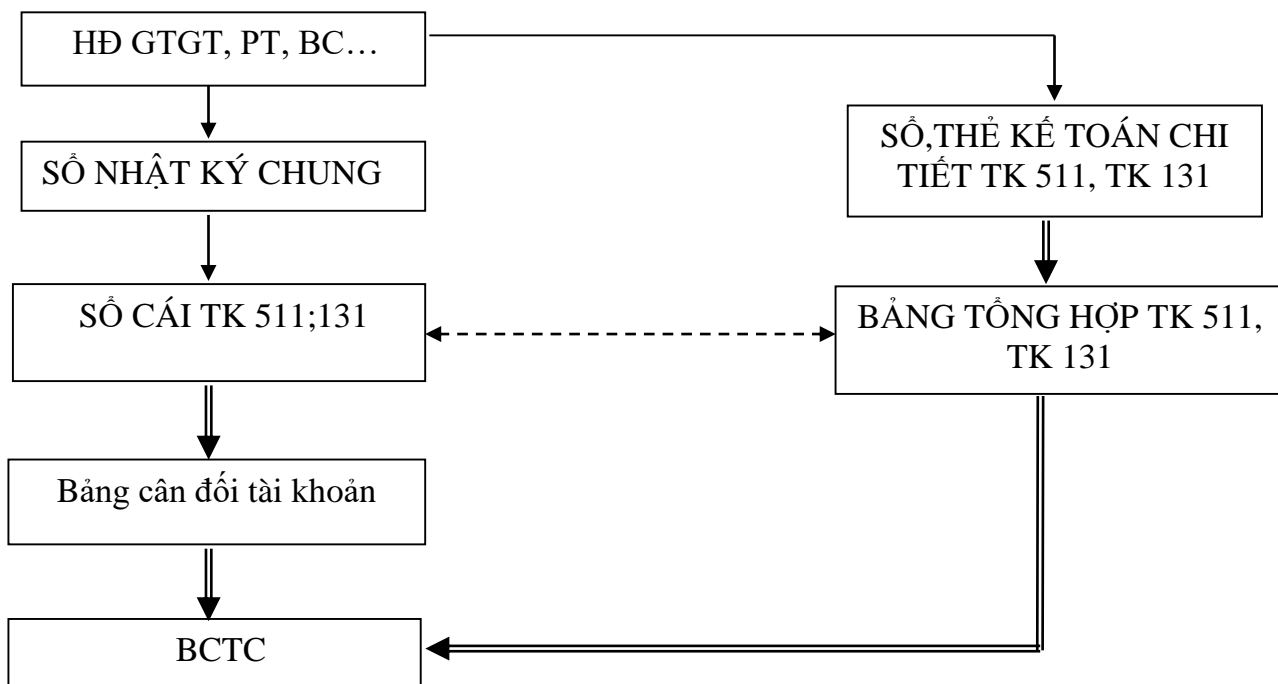
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có, phiếu thu
- Các chứng từ có liên quan khác

**b. Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng.
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- Các TK liên quan khác



c. Quy trình hạch toán



**Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Sơn Cường**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra.

**Ví dụ:**

Tháng 06/2015 Công ty phát sinh một số nghiệp vụ bán hàng. Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC, từ Sổ Nhật ký chung vào sổ cái 511, Sổ cái TK 333, Sổ cái TK131.

Đồng thời căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành kế toán ghi sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết 131.

- Ngày 11/06/2015 bán hàng cho Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Kiến Thụy theo hóa đơn số 0000842 chưa thanh toán.
- Ngày 16/06/2015 bán hàng cho công ty TNHH Trường Sơn theo hóa đơn số 0000855 thanh toán ngay bằng chuyển khoản.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

Công ty TNHH Sơn Cường

Mẫu số: 01GTKT3/ 001

Số 1-Núi Đồi-KiếnThụy-Hải Phòng

Ký hiệu: AA/ 15P

0000842

**HOÁ ĐƠN GTGT**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 11/06/2015

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sơn Cường

Mã số thuế: 0200449917

Địa chỉ: Số 1- Núi Đồi - Kiến Thụy - Hải Phòng

Điện thoại: 0313.881.682

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Kiến Thụy

Địa chỉ: huyện Kiến Thụy - Hải Phòng

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xi măng PC 30	Tấn	30	1.270.000	38.100.000
2	Xi măng PC 40	Tấn	25	1.350.000	33.750.000
	Cộng tiền hàng				<b>71.850.000</b>
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	<b>7.185.000</b>
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>79.035.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn/</i>					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

*(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty TNHH Sơn Cường)*

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT

Công ty TNHH Sơn Cường

Mẫu số:01GTKT3/001

Số 1-Núi Đồi-KiếnThụy-Hải Phòng

Ký hiệu: AA/ 15P

0000855

**HOÁ ĐƠN GTGT**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 16/06/2015

Đơn vị bán hàng: công ty TNHH Sơn Cường

Mã số thuế: 0200449917

Địa chỉ: Số 1- Núi Đồi - Kiến Thụy - Hải Phòng

Điện thoại:0313.881.682

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Trường Sơn

Địa chỉ: Huyện Kiến Thụy - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép Ø10	kg	1.850	11.450	21.182.500
2	Thép Ø8	kg	580	11.300	6.554.000
	Cộng tiền hàng				<b>27.736.500</b>

Thuế GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

**2.773.650**

Tổng cộng tiền thanh toán

**30.510.150**

Số tiền viết bằng chữ: *Ba mươi triệu năm trăm mười nghìn một trăm lăm mươi đồng /*

**Người mua hàng**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty TNHH Sơn Cường)

**Biểu 2.3: Giấy báo Có của ngân hàng****GIẤY BÁO CÓ**

Số 36/06

Số TK: 102010000973216

Tên Tài khoản: Công ty TNHH Sơn Cường

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi có với nội dung sau

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
16/06/2015	30.510.150	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ  NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM  Số TK: 102010000973216  Người chuyển: CÔNG TY TNHH Trường Sơn  Nội dung giao dịch: Thanh toán tiền hàng

*(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty TNHH Sơn Cường)*

**Biểu số 2.4: Sổ chi tiết thanh toán với người mua**

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Cường

**Mẫu số S13 – DNN**

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tháng 06/2015

Tài khoản: 131 (Trích)

Đối tượng: **Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Kiến Thụy**

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				<b><u>20.500.000</u></b>	
			SPS tháng					
<b>11/06</b>	<b>HD000842</b>	<b>11/06</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>511</b>	<b>71.850.000</b>		<b>92.350.000</b>	
			<b>Thuế GTGT phải nộp</b>	<b>3331</b>	<b>7.185.000</b>		<b>99.535.000</b>	
			.....					
29/06	PT 124	29/06	Thu tiền bán hàng	111		20.000.000		
			...					
			Cộng SPS tháng		<b>159.600.000</b>	<b>120.000.000</b>		
			Số dư cuối tháng				<b><u>60.100.000</u></b>	

**Người ghi số**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty TNHH Sơn Cường)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Từ sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán vào bảng tổng hợp thanh toán với người mua.

**Biểu số 2.5: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tháng 06/2015

Tài khoản: 131 (Trích)

ST T	Khách hàng	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Ban quản lý dự án ĐT và XD Kiến Thụ	<b>20.500.000</b>		<b>159.600.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>60.100.000</b>	
2	Công ty Hồng Anh			209.000.000		209.000.000	
3	Công ty Thuận Phát	45.600.000		126.000.000		171.600.000	
	.....						
	<b>Cộng</b>	<b>175.800.000</b>		<b>550.000.000</b>	<b>280.000.000</b>	<b>445.800.000</b>	

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Ký tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty TNHH Sơn Cường)

**Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng**

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Cường

**Mẫu số S17 – DNN**

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy – HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Sản phẩm: Xi măng PC30

Tháng 6 Năm 2015

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
	.....	.....	.....	.....	.....		.....	
<b>11/06</b>	<b>HĐ0000842</b>	<b>11/06</b>	<b>Bán cho ban QL dự án ĐT và XD Kiến Thụy</b>	<b>131</b>	<b>30</b>	<b>1.270.000</b>	<b>38.100.000</b>	<b>0</b>
16/06	HĐ0000856	16/06	Bán cho Cty TNHH Nam Việt		20	1.270.000	25.400.000	0
21/06	HĐ0000871	21/06	Bán cho công ty Hồng Anh		50	1.270.000	63.500.000	0
		.....	.....					
			Cộng số phát sinh				<b>317.500.000</b>	

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Biểu số 2.7: Sổ tổng hợp bán hàng**

Đơn vị: : Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy – HP

**SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG**

(Trích)

Tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu bán hàng	Khoản giảm trừ	Doanh thu thuần
<b>1</b>	<b>Xi măng PC30</b>	<b>317.500.000</b>	<b>0</b>	<b>317.500.000</b>
2	Xi măng PC40	162.000.000	0	162.000.000
3	Thép Ø10	75.226.500	0	75.226.500
4	Thép Ø8	39.324.000	0	39.324.000
	.....	.....		
	<b>Cộng</b>	<b>815.514.520</b>	<b>0</b>	<b>815.514.520</b>

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty TNHH Sơn Cường)



**Biểu số 2.8: Sổ nhật ký chung**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

(Đơn vị tính: Đồng)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/6	HĐ0000842	11/06	Doanh thu bán hàng hóa	131	79.035.000	
				511		71.850.000
				3331		7.185.000
	.....	.....	.....			
16/6	HĐ0000855	16/06	Bán hàng thu CK	112	30.510.150	
	GBC36/06			511		27.736.500
				3331		2.773.650
	.....	.....	.....			
21/6	HĐ0000871	21/06	Bán hàng công ty Hồng Anh	131	209.000.000	
				511		190.000.000
				3331		19.000.000
21/6	HĐ0000873	21/06	Doanh thu bán hàng cho công ty Thuận Phát	131	176.000.000	
				511		160.000.000
				3331		16.000.000
25/6	GBC48/06	25/06	Thu tiền lãi từ ngân hàng	112	113.521	
				515		113.521
	.....	.....				
			Cộng chuyển trang sau		<b>5.106.910.130</b>	<b>5.106.910.130</b>

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

**Biểu số 2.9: Sổ cái TK 511**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....	.....	...	.....					
11/6	HĐ 0000842	11/6	Doanh thu bán hàng hóa Ban QLĐT và XD huyện Kiến Thụy			131		71.850.000
	.....							
16/6	HĐ 0000855	16/6	DT bán hàng hóa cho công ty TNHH Trường Sơn			112		27.736.500
	.....							
21/6	HĐ 0000871	21/6	DT bán hàng hóa cho công ty Hồng Anh			131		190.000.000
21/6	HĐ 0000873	21/6	DT bán hàng hóa cho công ty Thuận Phát			131		160.000.000
.....	..	.....	.....					
30/6	PKT52	30/6	Kết chuyển doanh thu thuần			911	4.202.500.000	
			Cộng phát sinh tháng				4.202.500.000	4.202.500.000
			Số dư cuối tháng					

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

2.2.1.2. *Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Sơn Cường*

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê xuất...

b. Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- TK 156- Hàng hóa....

**Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:**

Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức bình quân sau mỗi lần nhập

$$P_N = \frac{P_{TN}}{SL_N}$$

Giải thích

$P_N$  : Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

$P_{TN}$  : Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

$SL_N$  : Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần

**Ví dụ:** Tính giá vốn hàng bán cho mặt hàng xi măng PC30

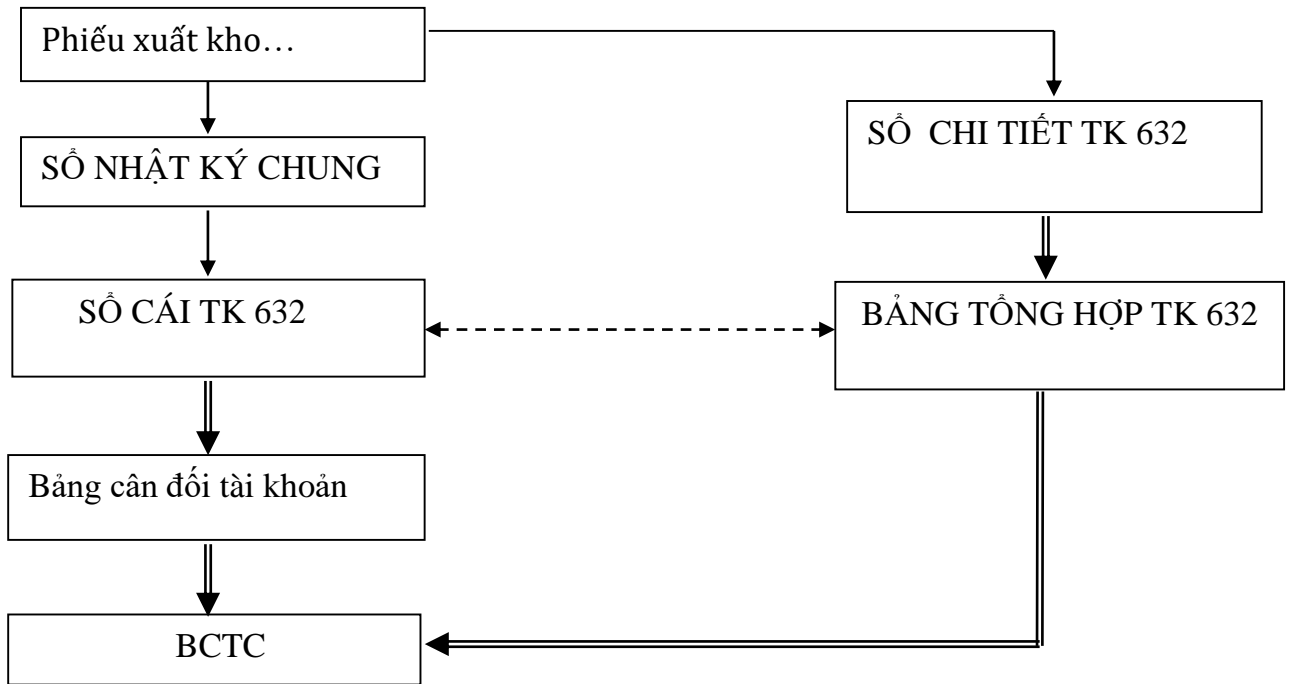
- Ngày 1/6/2015 tồn kho 124 tấn, đơn giá 1.213.500đ/tấn
- Ngày 06/06/2015 nhập kho 56tấn , đơn giá 1.225.150đ/tấn
- Ngày 11/06/2015 xuất kho 50 tấn bán cho Ban quản lý đầu tư và xây dựng Kiến Thụy

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 06/06

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} & \quad (124 \times 1.213.500) + (56 \times 1.225.150) \\ \text{quân của xi} & = \frac{\quad}{(124 + 56)} = 1.217.124\text{đ/tấn} \\ \text{măng PC30} & \end{aligned}$$

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 11/06 là: 30tấn \*1.217.124đ/ tấn = 36.513.720đ

c.Trình tự ghi sổ kế toán:



**Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Sơn Cường**

Tiếp ví dụ phân doanh thu bán hàng, trình bày cách ghi sổ đối với giá vốn hàng bán của 2 nghiệp vụ trên.(Ngày 11 và 16/6/2015).

**Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho**

Đơn vị: : Công ty TNHH Sơn Cường

**Mẫu số 02-VT**

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy – HP

(Ban hành theo quyết định số  
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của  
Bộ Trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 11 tháng 06 năm 2015

Số: 115

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ, tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ (bộ phận): Kiến Thụy- Hải Phòng

Lý do xuất kho : Xuất bán cho Ban quản lý đầu tư và xây dựng Kiến Thụy

Xuất tại kho : Công ty TNHH Sơn Cường

STT	Tên sản phẩm	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Xi măng PC 30		Tấn	30	30	1.217.124	36.513.720
02	Xi măng PC 40		Tấn	25	25	1.258.654	31.466.350
	<b>Tổng cộng</b>						<b>67.980.070</b>

Cộng thành tiền (bằng chữ) : *Sáu bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn không trăm bảy mươi đồng/*

*Xuất, ngày 11 tháng 06 năm 2015*

**Thủ kho    Người lập phiếu    Kế toán trưởng    Người nhận    Giám đốc**  
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

**Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho**

Đơn vị: : Công ty TNHH Sơn Cường

**Mẫu số 02-VT**

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy – HP

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 16 tháng 06 năm 2015

Nợ TK 632

Số 126

Có TK 156

Họ, tên người nhận hàng : Vũ Thị Mai

Địa chỉ (bộ phận ) : Kiến Thụy- Hải Phòng

Lý do xuất kho : Xuất bán cho Công ty TNHH Trường Sơn

Xuất tại kho : Công ty TNHH Sơn Cường

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Thép Ø10		kg	1.850	1.850	9.850	18.222.500
02	Thép Ø8		kg	580	580	9.768	5.665.440
	Tổng cộng						<b>23.887.940</b>

Cộng thành tiền (bằng chữ): Hai mươi ba triệu tám trăm tám bảy nghìn chín trăm bốn mươi đồng/

Xuất, ngày 16 tháng 06 năm 2015

**Thủ kho    Người lập phiếu    Kế toán trưởng    Người nhận    Giám đốc**  
 (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

**Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn**

Đơn vị: : Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy - HP

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Tên sản phẩm: Xi măng PC 30

Tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
11/06	PX115	11/06	Xuất bán cho Ban quản lý đầu tư và xây dựng Kiến Thụy	30	1.217.124	36.513.720
			...			
16/06	PX125	16/06	Xuất bán cho công ty TNHH Nam Việt	20	1.213.457	24.269.140
			.....			.....
21/06	PX138	21/06	Xuất bán cho C.Ty Hồng Anh	50	1.209.589	60.479.450
			...			
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>305.124.235</b>

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

**Biểu số 2.13: Sổ tổng hợp giá vốn**

Đơn vị: : Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy - HP

**SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

*Tháng 06 năm 2015*

Đơn vị tính: đồng

<b>STT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Số tiền</b>
<b>01</b>	<b>Xi măng PC30</b>	<b>305.124.235</b>
02	Xi măng PC40	156.245.652
03	Thép Ø10	72.264.520
04	Thép Ø8	35.384.497
.....		
	<b>Cộng</b>	<b>735.518.120</b>

*Ngày 30 tháng 06 năm 2015*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)*



**Biểu số 2.14 : Sổ nhật ký chung**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
<b>11/06</b>	<b>PX115</b>	<b>11/06</b>	<b>Giá vốn hàng bán cho Ban quản lý ĐT và XD Kiến Thụy</b>	<b>632 156</b>	<b>67.980.070</b>	<b>67.980.070</b>
11/06	HĐ0000842	11/06	Doanh thu hàng hóa	131	79.035.000	
				511		71.850.000
				3331		7.185.000
			.....			
<b>16/06</b>	<b>PX126</b>	<b>16/06</b>	<b>Giá vốn hàng bán Cty TNHH Trường Sơn</b>	<b>632 156</b>	<b>23.887.940</b>	<b>23.887.940</b>
16/6	HĐ0000855	16/06	Bán hàng thu CK	112	30.510.150	
				511		27.736.500
				3331		2.773.650
.....	.....	.....	.....			
21/06	PX138	21/06	Giá vốn hàng bán cho công ty Hồng Anh	632 156	155.000.000	155.000.000
21/06	HĐ0000871	21/06	Bán hàng cho công ty Hồng Anh	131 511 3331	209.000.000	190.000.000 19.000.000
.....	.....	.....				
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển giá vốn	911 632	3.643.500.127	3.643.500.127
			Cộng chuyển trang sau		<b>8.406.2510.130</b>	<b>8.406.2510.130</b>

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

**Biểu 2.15: Sổ cái TK 632**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
...	.....	...	.....					
11/06	PX115	11/6	Giá vốn hàng bán Ban quản lý ĐT và XD huyện Kiến Thụy			156	67.980.070	
			.....					
16/06	PX126	16/6	Giá vốn hàng bán cho c.ty TNHH Trường Sơn			156	23.887.940	
			.....					
21/06	PX138	21/6	Giá vốn hàng bán cho công ty Hồng Anh			156	155.000.000	
.....	..	.....	.....					
30/06	PKT53	30/6	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		3.643.500.127
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>3.643.500.127</b>	<b>3.643.500.127</b>
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kể từ đầu quý					

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

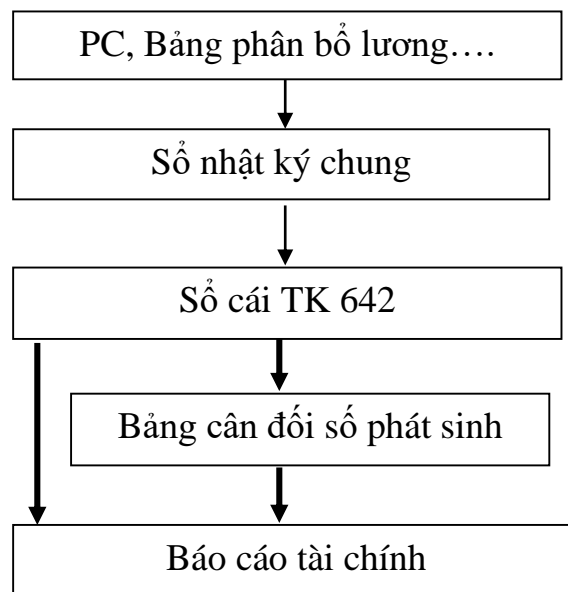
2.2.1.3. *Kế toán chi phí quản lý kinh doanh*

a. Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

b. Tài khoản sử dụng: TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh.

c. Trình tự ghi sổ kế toán



**Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:       →

Ghi cuối tháng       →

**Biểu số 2.16: Bảng thanh toán lương tháng 06/2015**

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Cường

Mẫu số 02-LĐTL

Địa chỉ: số 1-Núi Đồi-Kiến Thụy-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**

Bộ phận văn phòng

Tháng 06 năm 2015

11	Họ Và Tên	Lương HD	Tiền lương						Các khoản khấu trừ				Thực lĩnh	Ký nhận	
			Lương thời gian		Nghỉ hưởng 100%		Nghỉ hưởng 75%		Cộng	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%			Cộng
			công	tiền	công	tiền	công	tiền							
1	Nguyễn Thế Sinh	8.100.000	26	8.100.000					8.100.000	648.000	121.500	81.000	850.500	7.249.500	
2	Đỗ Thị Hiền	4.320.000	26	4.320.000					4.320.000	345.600	64.800	43.200	453.600	3.866.400	
3	Nguyễn Thị Tường	4.240.000	26	3.240.000					3.240.000	259.200	48.600	32.400	340.200	2.899.800	
4	Vũ Thị Huyền	3.780.000	26	3.780.000					3.780.000	302.400	56.700	37.800	396.900	3.383.100	
....	....	....													
	<b>Cộng</b>	<b>38.880.000</b>	<b>27</b>	<b>38.880.000</b>					<b>38.880.000</b>	<b>3.110.440</b>	<b>583.200</b>	<b>388.800</b>	<b>4.082.400</b>	<b>34.797.600</b>	

**Biểu số 2.17: Phiếu chi**

Đơn vị: : Công ty TNHH Sơn Cường

**Mẫu số 02-TT**

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy – HP

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 15 tháng 06 năm 2015

Số : 25/06

Nợ TK 642: 1.100.000

Nợ TK133: 110.000

Có TK 111: 1.210.000

Người nhận tiền: Nguyễn Thế Sinh

Đơn vị: Công ty TNHH Sơn Cường

Lý do chi :Trả tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.210.000,

Bằng chữ: *Một triệu hai trăm mười nghìn đồng.*

Ngày 15 tháng 06 năm 2015

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập phiếu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): *Một triệu hai trăm mười nghìn đồng.*

Ngày 15 tháng 06 năm 2015

**Thủ quỹ**

**Người nhận tiền**

(Ký, ghi rõ họ tên )

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.18 : Sổ nhật ký chung**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
15/06	PC 25/06	15/06	Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm	642	1.100.000	
				133	110.000	
				111		1.210.000
			.....			
22/06	PT 36/06	22/6	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111	125.000.000	
				112		125.000.000
			.....			
25/06	BL06	25/06	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận văn phòng	642	38.880.000	
				334		38.880.000
.....	.....	.....				
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	345.368.000	
				642		345.368.000
			Cộng chuyển trang sau		<b>5.106.910.130</b>	<b>5.106.910.130</b>

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.19: Sổ cái TK 642**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐ Ư	Số phát sinh	
				T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....	.....	...	..... ...					
<b>15/06</b>	<b>PC 25/06</b>	<b>15/6</b>	<b>Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm</b>			<b>111</b>	<b>1.100.000</b>	
	.....		.....					
22/06	PC 48/06	22/6	Chi tiền tiếp khách			111	3.246.000	
<b>25/6</b>	<b>BL06</b>	<b>25/6</b>	<b>Tiền lương phải trả</b>			<b>334</b>	<b>38.880.000</b>	
	.....		.....					
30/6	KH06	30/6	Trích khấu hao TSCĐ			214	5.048.645	
30/06	PKT53	30/6	Kết chuyển chi phí QLKD			911		345.368.000
			Cộng phát sinh tháng				<b>345.368.000</b>	<b>345.368.000</b>
			Số dư cuối tháng					

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

**2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính**

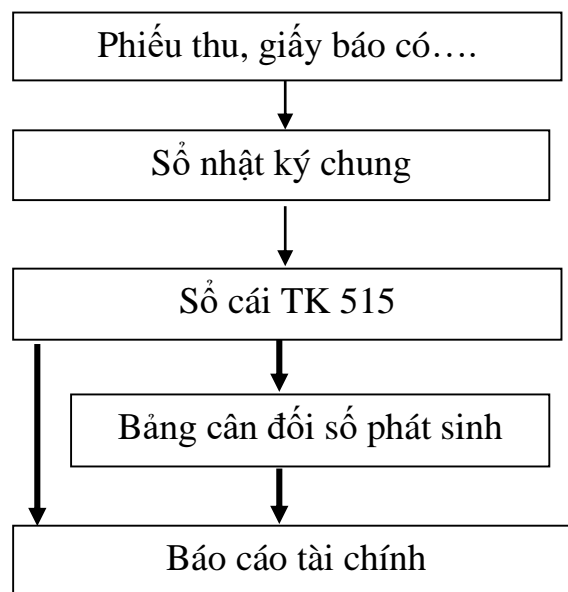
a. Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu
- Giấy báo có .
- Phiếu kế toán.

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu tài chính.

c. Trình tự ghi sổ kế toán



**Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tài chính tại Công ty TNHH Sơn Cường**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>



**Biểu số 2.20:** Giấy báo có:



Chi nhánh ACB-CN Hải Phòng

GIAY BAO CO      Ma GDV    NGO THI CHI

Ngày 25/06/2015      Ma KH      54321

So GD

Số 48/06

Kính gửi: công ty TNHH Sơn Cường

Mã số thuế:0200449917

Hôm nay cung tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi nợ: 21092211000038

Số tiền ghi bằng số : 113.521

Số tiền bằng chữ: Một trăm mười ba nghìn năm trăm hai một đồng.

Nội dung: nhận lãi tiền gửi của ngân hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

Từ giấy báo có kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.8), sau đó căn cứ vào Sổ nhật ký chung ghi sổ cái TK 515(Biểu 2.20)

**Biểu số 2.20: Sổ cái TK 515**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính

Số hiệu: 515

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....	.....	...	.....					
<b>25/06</b>	<b>BC 48/06</b>	<b>25/06</b>	<b>Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB</b>			<b>112</b>		<b>113.521</b>
	.....		.....					
28/06	PT 48/06	28/06	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank			111		42.476
30/06	PKT52	30/06	Kết chuyển doanh thu TC			911	1.527.346	
			Cộng phát sinh tháng				<b>1.527.346</b>	<b>1.527.346</b>
			Số dư cuối tháng					

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

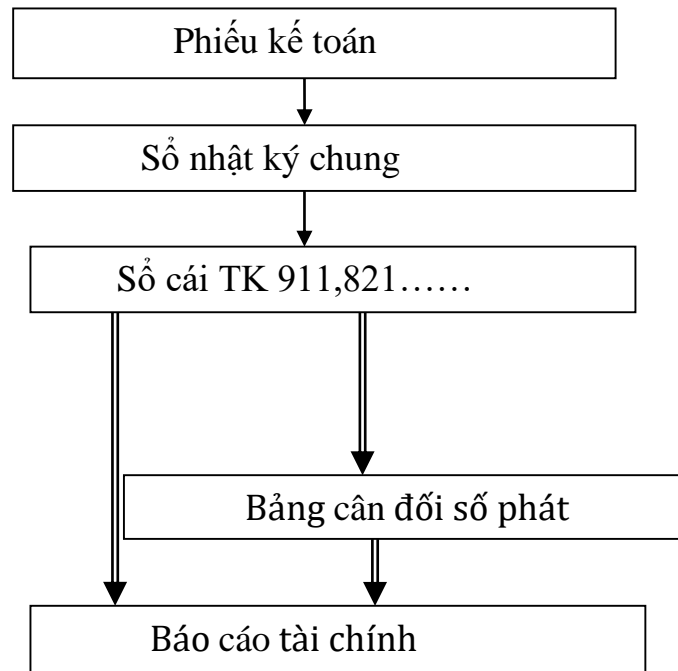
**2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường**

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

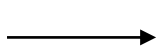
b. Tài khoản sử dụng: TK 911, TK421, TK821

c. Trình tự ghi sổ kế toán

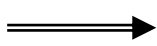


**Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường**

Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

**Biểu 2.21: Phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 52

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	4.202.500.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.527.346
	<b>Tổng cộng</b>			<b>4.204.027.346</b>

**Biểu 2.22: Phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 53

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.643.500.127
2	Kết chuyển CPQLKD	911	642	345.368.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3.988.868.127</b>

**Biểu 2.23: Phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 54

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	43.031.844
	<b>Tổng cộng</b>			<b>43.031.844</b>

***Biểu 2.24: Phiếu kế toán***

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 55

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	43.031.844
	<b>Tổng cộng</b>			<b>43.031.844</b>

***Biểu 2.25: Phiếu kế toán***

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 56

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	421	172.127.376
	<b>Tổng cộng</b>			<b>172.127.376</b>

**Biểu số 2.26 : Sổ nhật ký chung**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2015**

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			.....				
30/06	PKT 52	30/06	Kết chuyển doanh thu	511 515	911	4.202.500.000 1.527.346	4.204.027.346
30/06	PKT 53	30/06	Kết chuyển chi phí	911	632 642	3.988.868.127	3.643.500.127 345.368.000
30/06	PKT 54	30/06	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	43.031.844	43.031.844
30/06	PKT 55	30/06	K/C thuế TNDN phải nộp	911	821	43.031.844	43.031.844
30/06	PKT 56	30/06	K/C LN chưa phân phối	911	421	172.127.375	172.127.375
			<b>Cộng</b>			<b>12.567.873.290</b>	<b>12.567.873.290</b>

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

**Biểu số 2.28.** Sổ cái TK 911

## SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Số hiệu 911

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T. số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....	.....	.....	.....					
30/06	PKT52	30/06	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		4.202.500.000
30/06	PKT52	30/06	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		1.527.346
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	3.643.500.127	
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí QLKD			642	345.368.000	
30/06	PKT55	30/06	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			821	43.031.844	
30/06	PKT56	30/06	Xác định kết quả kinh doanh			421	172.127.375	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>4.204.027.346</b>	<b>4.204.027.346</b>

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

## CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC  
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG****3.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường****3.1.1. Ưu điểm.****❖ Về việc tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy tổ chức kế toán của công ty theo mô hình tập trung là phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh và quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng riêng của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của mỗi kế toán viên cũng như tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy năng lực làm việc của bản thân.

- Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và thực hiện dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

**❖ Về việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.

- **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- **Về sổ sách kế toán:** Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra.

- **Về công tác kế toán chi phí:** Chi phí là một vấn đề luôn được các nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí,



làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đã đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- **Về công tác kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- **Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

### **3.1.2. Nhược điểm:**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường còn một số hạn chế sau:

#### **- Về Công tác ghi chép sổ sách kế toán:**

Hiện nay công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn, thiếu sót. Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu

#### **-Về việc áp dụng chính sách bán hàng ưu đãi**

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty TNHH Sơn Cường cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### **3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường**

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã học được, nhận thấy tầm quan trọng trong công tác tổ chức kế toán của công ty còn tồn tại 1 số vấn đề hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

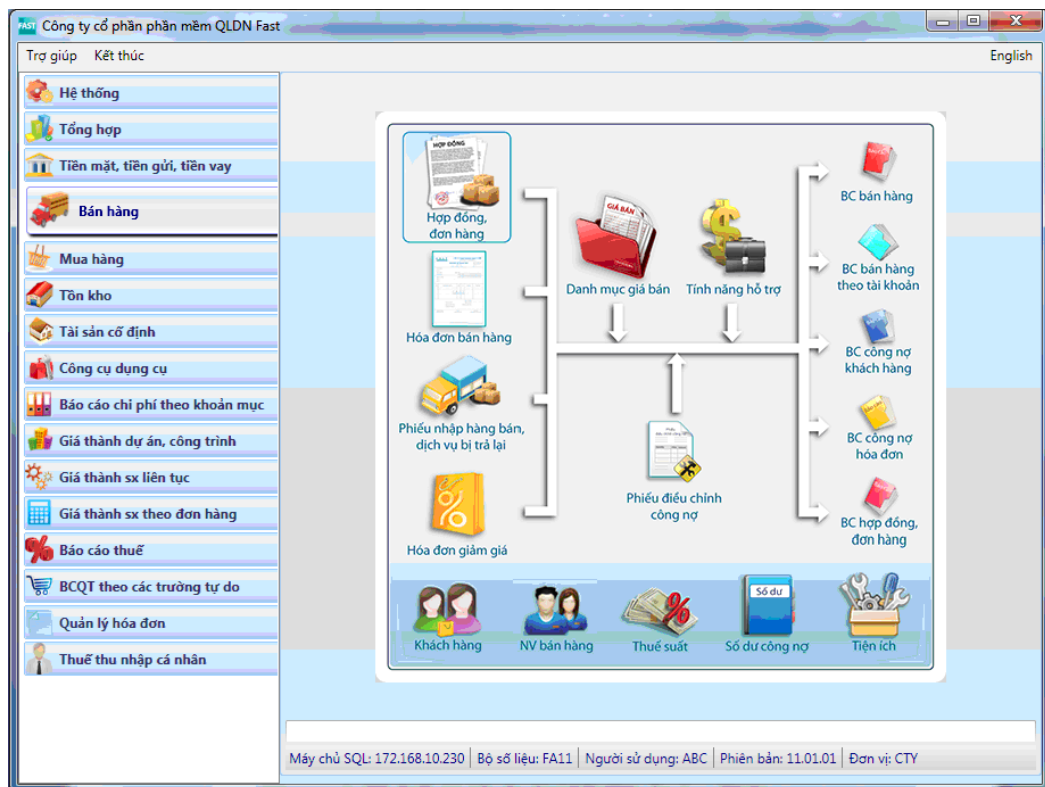
#### **❖ Về công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

Hiện nay tại công ty TNHH Sơn Cường chưa áp dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính. Đơn vị nên cho mua phần mềm kế toán thích hợp để giảm thiểu công việc gây tổn hao về sức người và thời gian, mang lại hiệu quả cao trong công việc, dễ dàng trong chỉnh sửa khi có sai sót. Đơn vị có thể tham khảo lựa chọn trong rất nhiều phần mềm kế toán chuyên dụng đáp ứng yêu cầu hỗ trợ công tác kế toán đạt hiệu quả như mong muốn. Ngoài ra nhà nước cũng cho phép các doanh nghiệp có thể đặt mua phần mềm kế toán riêng phù hợp với điều kiện, mô hình đơn vị. Khi tiếp nhận phần mềm kế toán cần kịp thời hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt. Tuy nhiên với các phần mềm này đòi hỏi phải kiểm tra kỹ để đáp ứng đúng quy định của pháp luật của nhà nước đã ban hành. Giải pháp này đảm bảo đơn vị sẽ xây dựng được công tác kế toán hoàn thiện, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận kịp thời, nhanh gọn, giúp báo cáo kế toán chính xác và có độ tin cậy cao. Dưới đây là một số đề xuất các phần mềm kế toán tiện dụng và phù hợp với doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán Misa:



Hay sử dụng phần mềm kế toán FAST:



### 3.2.2. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng

Vì vậy để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Đề hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 5211- Chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên :

- Công ty có thể tham khảo chiết khấu thương mại của DN cùng ngành
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên HĐ GTGT hoặc HĐ Bán hàng lần cuối cùng

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

- Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại là 5%, trả cho khách hàng bằng tiền mặt. Áp dụng vào hóa đơn bán hàng số 0000855.

Kế toán định khoản như sau:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112: 30.510.150

Có TK 5111: 27.736.500

Có TK 3331: 2.773.650

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 5211: 1.386.825

Nợ TK 3331: 138.683

Có TK 111: 1.525.508

Kết chuyển xác định doanh thu thuần:

Nợ TK 5111: 1.386.825

Có TK 5211: 1.386.825

Biểu 3.1: Hóa đơn GTGT

Công ty TNHH Sơn Cường

Số 1-Núi Đồi-KiếnThụy-Hải Phòng

Mẫu số:01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/ 15P

0000855

**HOÁ ĐƠN GTGT**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 16/06/2015

Đơn vị bán hàng: công ty TNHH Sơn Cường

Mã số thuế: 0200449917

Địa chỉ: Số 1- Núi Đồi - Kiến Thụy - Hải Phòng

Điện thoại:0313.881.682

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Trường Sơn

Địa chỉ: Huyện Kiến Thụy - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép Ø10	kg	1.850	11.450	21.182.500
2	Thép Ø8	kg	580	11.300	6.554.000
	Cộng tiền hàng				<b>27.736.500</b>
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	<b>2.773.650</b>
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>30.510.150</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi triệu năm trăm mười nghìn một trăm lăm mươi đồng /</i>					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

*(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty TNHH Sơn Cường)*

**Biểu số 3.2: Phiếu chi**

Đơn vị: : Công ty TNHH Sơn Cường

**Mẫu số 02-TT**

Địa chỉ: Núi Đồi- Kiến Thụy – HP

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 16 tháng 06 năm 2015

Số : 30/06

Nợ TK 521: 1.386.825

Nợ TK3331: 138.683

Có TK 111: 1.525.508

Người nhận tiền: Nguyễn Văn Mạnh

Đơn vị: Công ty TNHH Trường Sơn

Lý do chi: Chi chiết khấu thương mại cho Cty TNHH Trường Sơn

Số tiền: 1.525.508

Bằng chữ: *Một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm linh tám đồng.*

Ngày 16 tháng 06 năm 2015

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập phiếu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): *Một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn năm  
trăm linh tám đồng.*

Ngày 16 tháng 06 năm 2015

**Thủ quỹ**

**Người nhận tiền**

(Ký, ghi rõ họ tên )

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 3.3: Sổ nhật ký chung****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/6	HD0000842	11/06	Doanh thu bán hàng hóa	131	79.035.000	
				511		71.850.000
				3331		7.185.000
	.....	.....	.....			
16/6	HD0000855	16/06	Bán hàng thu CK	112	30.510.150	
	GBC36/06			511		27.736.500
				3331		2.773.650
	.....	.....	.....			
<b>16/6</b>	<b>PC30/06</b>	<b>16/06</b>	<b>Chiết khấu TM cho Cty TNHH Trường Sơn</b>	<b>521</b> <b>3331</b> <b>111</b>	<b>1.386.825</b> <b>138.683</b>	<b>1.525.508</b>
21/6	HD0000873	21/06	Doanh thu bán hàng cho công ty Thuận Phát	131 511 3331	176.000.000	160.000.000 16.000.000
25/6	GBC48/06	25/06	Thu tiền lãi từ ngân hàng	112 515	113.521	113.521
	.....	.....				
			Cộng chuyển trang sau		<b>5.106.910.130</b>	<b>5.106.910.130</b>

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)



**Biểu số 3.4: Sổ cái TK 521****SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Các khoản giảm trừ

Số hiệu: 521

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
16/6	PC30/6	16/6	Chiết khấu TM cho Cty TNHH Trường Sơn			111	1.386.825	
30/6	PKT51	30/6	Kết chuyển xác định doanh thu thuần			511		1.386.825
			Cộng phát sinh tháng				1.386.825	1.386.825
			Số dư cuối tháng					

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường)

**KẾT LUẬN**

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh tại Công ty TNHH Sơn Cường một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu năm 2015 minh chứng cho các lập luận đưa ra. Qua quá trình thực tập, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, gọn nhẹ có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006.

+ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình hoạt động kinh doanh.

- Hạn chế:

+ Công tác ghi chép sổ sách kế toán chưa hiệu quả.

+ Công ty chưa thực hiện chiết khấu thương mại để khuyến khích khách hàng nhằm tăng doanh thu cho công ty.

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường.

Do thời gian thực tập có hạn và kiến thức thực tế ít chưa có kinh nghiệm nhưng nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của lãnh đạo công ty, các anh chị trong phòng kế toán cùng với sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng và sự cố gắng của bản thân đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng ngày...tháng...năm...

Sinh viên

Nguyễn Thùy Linh

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1, Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2, Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Sơn Cường (2015), *Sổ sách kế toán Công ty*.